

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 35-TC/TCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 4 tháng 5 năm 1993

THÔNG TƯ

Hướng dẫn xử lý nợ thuế nông nghiệp 2 năm 1989 - 1990.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 1275/KTTH ngày 31-3-1993 của Văn phòng Chính phủ về việc xử lý nợ thuế nông nghiệp 2 năm 1989-1990, Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể như sau:

1. Đối tượng được xóa nợ thuế nông nghiệp 2 năm 1989-1990 bao gồm:

- Nợ thuế của đồng bào ở vùng cao, miền núi, vùng kinh tế mới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các đối tượng thuộc diện chính sách xã hội mà đời sống còn nhiều khó khăn;
- Nợ thuế thuộc các địa phương (huyện, xã) thường xuyên gặp thiên tai và lại gặp thiên tai nặng trong 2 năm 1991-1992, đến nay đời sống nông dân gặp nhiều khó khăn;
- Nợ thuế nông nghiệp của các nông trường, trạm, trại quốc doanh, hợp tác xã, tập đoàn sản xuất nông nghiệp thuộc 2 năm 1989-1990 là một đơn vị nộp thuế, nhưng đến năm 1991 đã giải thể; từ năm 1991 đến nay các hộ xã viên, nông trường viên trực tiếp đứng tên trong sổ thuế của xã và trực tiếp nộp thuế cho nhà nước;
- Nợ thuế của các hộ nông dân, nay đã chuyển đi nơi khác làm ăn hoặc cá biệt hộ nông dân không thuộc các đối tượng nói ở điểm a, b mục này nhưng đời sống quá khó khăn.

2. Đối tượng không thuộc diện xóa nợ thuế nông nghiệp 2 năm 1989-1990 gồm:

- Số thuế đã thu của nông dân, nhưng bị các tổ chức, cá nhân chiếm dụng, xâm tiêu, tham ô... nay phải truy thu nộp đủ vào ngân sách.

b) Các nông trường, trạm, trại quốc doanh kể cả do lực lượng vũ trang (quân đội, công an) và trường học quản lý gồm nông trường, trạm trại, trại cải tạo, đất của các trường học, các đơn vị lực lượng vũ trang quản lý dùng vào sản xuất nông nghiệp... các năm 1989, 1990 chưa nộp thuế nông nghiệp cũng coi như nợ thuế, nay phải kê khai tính thuế và nộp đủ số thuế này.

c) Đơn vị nộp thuế là hợp tác xã, tập đoàn sản xuất hoặc tổ chức tập thể khác nay vẫn đảm nhiệm nộp thuế chung, không thuộc những đối tượng đã nói tại điểm a, b mục 1 Thông tư này.

d) Hộ nông dân cá thể, hộ xã viên, tập đoàn viên trực tiếp đứng tên trong sổ thuế của xã và trực tiếp nộp thuế cho Nhà nước, mà các hộ này chây ì, dầy dụa không chịu nộp thuế và không thuộc các đối tượng qui định tại mục 1 Thông tư này.

e) Số thuế miễn theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh sai đối tượng qui định tại Điều 1 Quyết định số 66-HĐBT ngày 5-3-1990 của Hội đồng Bộ trưởng được cụ thể tại điểm I Thông tư số 18-TC/TNN ngày 17-3-1990 của Bộ Tài chính.

Phần nợ thuế nông nghiệp 2 năm 1989-1990 thu được giành 100% cho địa phương được hạch toán vào mục 47 (thu khác) và được điều tiết cho các cấp ngân sách để sử dụng vào mục tiêu phát triển nông nghiệp.

Tuỳ đặc điểm của mỗi địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trích từ 5%-10% số thuế thu được để thù lao cho những tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia thu nợ thuế.

3. Các bước tiến hành xử lý nợ thuế và tổ chức thực hiện:

a) Bước 1: Căn cứ vào kết quả kiểm tra phân loại nợ thuế đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài Chính, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chỉ đạo ngành thuế, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã... kiểm tra lại một lần nữa để xác định đúng số nợ thuế nông nghiệp 2 năm 1989-1990 và chia làm 2 loại: số nợ thuế phải thu và số nợ thuế được xóa như qui định tại mục 1 và mục 2, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

b) Bước 2: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ra quyết định cụ thể về xử lý nợ thuế nông nghiệp 2 năm 1989-1990 của địa phương theo đề nghị của Cục thuế và gửi về Bộ tài chính (Tổng Cục thuế).

Cục thuế hướng dẫn các huyện, thị, các xã trong việc thi hành quyết định Ủy ban nhân dân tỉnh.